

Số : 116/CTGD-MNĐH

Đại Hưng, ngày 26 tháng 8 năm 2024

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON**  
**Năm học 2024-2025**

*Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GDĐT Thông tư ban hành chương trình GDMN;*

*Căn cứ Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 23/12/2020 của Bộ GD-ĐT ban hành chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo;*

*Căn cứ KH thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025*

*Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế CSVC, đội ngũ giáo viên trường Mầm non Đại Hưng xây dựng chương trình giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:*

**PHẦN I**

**I. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**1. ĐIỂM MẠNH**

Trường mầm non Đại Hưng có 01 điểm trường nằm tại thôn Trinh Tiết xã Đại Hưng có tổng diện tích sử dụng là 6590m<sup>2</sup>. Nhà trường có 18 phòng học và các phòng chức năng như: phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất... dành cho học sinh. Khối phòng hành chính quản trị có đầy đủ các phòng như: phòng hội đồng, phòng Hiệu trưởng, 2 phòng Phó hiệu trưởng, phòng hành chính - Quản trị, phòng nhân viên, phòng bảo vệ và các khối phòng phụ trợ. Các phòng đều có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ nhu cầu quản lý cũng như nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường có biển trường, tên trường, khuôn viên trường tường rào xung quanh đảm bảo an ninh trật tự. Trường có đủ phòng học cho học sinh, các phòng chức năng cho trẻ hoạt động và đủ các phòng hiệu bộ cho CBGVNV làm việc. Có khối phòng tổ chức ăn được xây dựng theo quy định bếp ăn một chiều, có khu vệ sinh riêng cho trẻ, khu vệ sinh riêng cho CBGVNV đảm bảo vệ sinh. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bảo quản, thay thế, sửa chữa, bổ sung nâng cấp. Toàn bộ hồ sơ, biên bản, sổ theo dõi tài sản được lưu trữ đầy đủ đảm bảo theo đúng nguyên tắc. Hệ thống nước sạch đảm bảo đạt tiêu chuẩn về VSATTP của bộ y tế.

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định theo thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV nay được thay thế bằng thông tư 52/2020/TT BGDĐT có 42/43 đồng chí có bằng Cao đẳng trở lên bằng 97,6%.

Về cơ bản đội ngũ giáo viên, nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình. Giáo viên mầm non đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp 100 % cán bộ quản lý giáo viên đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên.

Hàng năm nhà trường huy động 45 - 50% trẻ nhà trẻ, 100% trẻ mẫu giáo trong độ tuổi vào học. Trẻ được học đúng độ tuổi và Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT. Kết quả đánh giá trẻ cuối độ tuổi đạt từ 95-97% trẻ đạt kết quả mong đợi theo chương trình giáo dục mầm non.

Vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục Steam với các độ tuổi theo hướng đồng tâm phát triển

*Trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh với mục tiêu* hướng tới hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ, góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học

## **2. ĐIỂM YẾU**

Nhà trường chưa có nhiều đồ dùng đồ chơi, đồ chơi còn cũ, chưa có nhiều cây xanh cho bóng mát trong khuôn viên sân trường.

Còn 1 giáo viên có bằng trung cấp.

Đa số cha mẹ trẻ bận đi làm công ty ít có thời gian tham gia các hoạt động của nhà trường, việc đưa đón trẻ chủ yếu là ông bà nên việc trao đổi thông tin hai chiều còn bất cập.

## **II. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Tầm nhìn**

Trường mầm non Đại Hưng mang trong mình sứ mệnh đẩy sự nhìn nhận và tạo ra sự đổi mới thực sự cho nền giáo dục bậc mầm non ở tầm quốc gia. Từ đó, góp phần tạo ra một thế hệ “công dân mới” được phát triển toàn diện về cả thể lực, trí lực, đạo đức và tâm hồn, là cơ sở nền tảng cho mọi cấp bậc giáo dục tiếp theo nhằm tạo ra những “công dân toàn cầu” xuất sắc.

Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Và trên hết, trường mầm non Đại Hưng luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tố chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai.

Nhà trường đạt chuẩn mức độ I năm 2021 và phấn đấu đạt chuẩn mức độ II năm 2024, đây là tiền đề cho sự phát triển, nỗ lực cố gắng không ngừng của nhà trường trong nhiều năm qua; về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh

trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

### ***Xây dựng Trường mầm non Đại Hưng trở thành “Nơi yêu thương chấp cánh những ước mơ – trẻ lan tỏa yêu thương”***

Trường MN Đại Hưng phấn đấu xây dựng trở thành một ngôi trường hạnh phúc cho tất cả cán bộ CBGVNV và các con học sinh, nơi tất cả mọi thành viên đều cảm nhận được niềm vui, sự bình an để từ đó phát huy cao nhất khả năng của mỗi người, nơi tình yêu thương được chia sẻ để thắp sáng ước mơ của mỗi học sinh ươm mầm những nhân cách tốt, nơi các giáo viên được yêu thương để đồng hành cùng nhau phát triển nhà trường, trao yêu thương đến học sinh và khẳng định giá trị của bản thân, trở thành những nhà giáo tâm huyết và sáng tạo. Trường trở thành trường đạt chuẩn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo hướng đổi mới hội nhập đồng thời vẫn giữ nguyên bản sắc dân tộc xứng đáng điểm sáng của Giáo dục huyện Mỹ Đức.

#### **2. Sứ mệnh**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

Xây dựng một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một chương trình giảng dạy có ý nghĩa khai thác năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Tạo cơ hội và thúc đẩy trẻ theo quan điểm giáo dục “ Lấy trẻ làm trung tâm”

#### **3. Giá trị cốt lõi.**

Xây dựng Trường mầm non Đại Hưng trở thành ***“Nơi yêu thương chấp cánh những ước mơ – trẻ lan tỏa yêu thương”***

##### **\*Trách nhiệm**

- Biết chịu trách nhiệm, tự lập trong việc vệ sinh, sinh hoạt cá nhân
- Biết chịu trách nhiệm về hành vi, cảm xúc cá nhân, biết nhận lỗi khi có những hành vi không đúng.
- Biết tuân thủ yêu cầu của giáo viên trong các giờ học.

##### **\* Trung thực**

- Biết diễn tả cảm xúc cá nhân với cha mẹ, thầy cô thông qua ngôn ngữ chính xác.
- Biết phân biệt hành vi đúng sai, nên làm hay không nên làm.

– Biết tác hại của lời nói dối, biết đưa thông tin đúng, mô tả đúng sự việc trong giao tiếp.

– Biết thể hiện lòng biết ơn, biết nhận lỗi.

**\* Tôn trọng**

– Biết tôn trọng ba mẹ, hợp tác với ba mẹ trong các hoạt động ở nhà.

– Biết tôn trọng thầy cô, tôn trọng bạn bè, hoà bình trong các giờ chơi.

– Biết tôn trọng và giữ gìn đồ chơi

## **Phần hai**

### **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ**

#### **A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Chương trình giáo dục nhà trẻ của Trường mầm non Đại Hưng nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 24 tháng tuổi, từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

*Trường mầm non Đại Hưng chú trọng lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này, nâng cao khả năng tư duy, tự tin trong các mối giao tiếp, quan hệ xã hội, hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào các cấp học tiếp theo và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai..*

#### **I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

#### **II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

#### **III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

#### **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...
- **Thể hiện nhu cầu cá nhân theo cách thích hợp cho người khác**
- **Thực hiện được các hành động phù hợp thể hiện tình yêu thương với người thân/ người quen.**
- **Thích khám phá môi trường mới có 1 số khác biệt với môi trường quen thuộc (gia đình, nhóm lớp).**
- **Thực hiện hoặc làm theo những việc đơn giản trong gia đình để giúp đỡ bản thân và người khác.**

### **B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

#### **I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Học kỳ I là 18 tuần, học kỳ II là 17 tuần bắt đầu từ ngày 5 tháng 9 năm 2024, kết thúc tuần 35 vào ngày 29/5/2025. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Mùa hè	Mùa đông	Hoạt động
7h00- 8h00	7h00-8h10 phút	Đón trẻ
8h00 -8h30 phút	8h10 – 8h40 phút	Chơi - Tập
8h30- 9h00 phút	8h40 – 9h10 phút	Hoạt động có chủ đích
9h00 - 9h30 phút	9h10 – 9h40 phút	Hoạt động ngoài trời

9h30- 10h15 phút	9h40 – 10h25 phút	Hoạt động góc
10h15- 10h30 phút	10h25 – 10h40 phút	Chuẩn bị ăn trưa
10h30- 11h30 phút	10h40 -11h30 phút	Ăn chính
11h30- 13h30phút	11h30 – 13h40 phút	Ngủ trưa
13h30-14h30 phút	13h40 – 14h30 phút	Ăn bữa phụ
14h30 - 15h00 phút	14h30 – 15h00 phút	Trẻ tham gia các hoạt động ngoại khoá
15h00 – 15h30 phút	15h00 – 15h30 phút	Ăn bữa chính chiều
15h30 -16h00 phút	15h30 -16h00 phút	Hoạt động vui chơi
16h00 – 17h00 phút	16h00 – 16h45 phút	Vệ sinh, trả trẻ

### C. NỘI DUNG

#### I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

##### 1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần để tránh cho trẻ không bị nhàm chán; khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định của Chương trình GDMN. Thực đơn được niêm yết công khai ở Bảng công khai tài chính, ở bảng tuyên truyền các lớp phụ huynh nắm bắt.

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cháo + Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). Nước uống đựng trong bình có nắp đậy kín. Có đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
- Đồ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn, uống: Có đủ bàn, ghế đúng quy cách cho trẻ, tuyệt đối không để trẻ đứng hoặc ngồi ăn ở dưới sàn nhà. Có đủ dụng cụ chia thức ăn cho trẻ; đủ bát, thìa, kích thước phù hợp với độ tuổi trẻ, chuẩn bị dư số bát, thìa so với số trẻ để phòng trẻ làm rơi. Đồ dùng ăn, uống của trẻ đảm bảo vệ sinh; đủ cốc uống nước, khăn lau mặt có kí hiệu riêng cho mỗi trẻ.
- Giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt. Đặc biệt giáo viên chú ý đến từng cá nhân trẻ để có biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp.

## **2. Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

\* Trước giờ đi ngủ

+ Sau khi ăn xong khoảng 10 phút chúng ta mới nên cho cháu đi ngủ. Hoặc khi ăn xong không ngủ ngay cô có thể cho trẻ ngồi xuống xếp lô tô chơi, lắp ghép, chơi một trò chơi nhẹ, xem những video hoạt hình, ca nhạc thiếu nhi...

+ Trước khi ngủ cô cho trẻ đi vệ sinh, cởi bớt quần áo dài hay dày quá để trẻ được thoải mái và dễ ngủ hơn.

**\* Chuẩn bị đủ đồ dùng cho trẻ ngủ.**

+ Chuẩn bị tốt phòng ngủ và đồ dùng cho trẻ ngủ là việc làm cần thiết để trẻ có một giấc ngủ nhanh, đúng thời gian và ngủ sâu giấc.

+ Trước khi cho trẻ vào ngủ cô vệ sinh phòng, nhóm sạch sẽ, bố trí chỗ ngủ yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

+ Mùa đông các cháu ngủ được đắp chăn đủ ấm và nằm trên giát giường, mùa hè phòng ngủ có đủ quạt mát cho các cháu ngủ ngon giấc luôn chú ý tránh không cho trẻ nằm trực tiếp trên nền nhà và dưới quạt.

**\* Đưa trẻ vào giấc ngủ và chăm sóc giấc ngủ cho trẻ.**

+ Việc tạo cho trẻ một tâm thế yên tâm thoải mái khi ngủ ở trường.

+ Trong giờ ngủ của trẻ, GV luôn có mặt tại phòng ngủ để quan sát, kiểm tra trẻ, xử lý kịp thời các tình huống cần thiết như (nôn, đái dầm...) sửa tư thế ngủ cho trẻ

**\* Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy**

+ Gần hết giờ ngủ cô đánh thức trẻ bằng bản nhạc vui nhộn, kéo rèm cửa ra thay đổi ánh sáng để trẻ chủ động dậy và không ngại ngủ. Về mùa đông thì khi trẻ dậy phải mặc quần áo ấm cho trẻ ngay để trẻ khỏi bị lạnh dễ ốm, ho, viêm phổi.

+ Cô hướng dẫn trẻ cùng cô làm 1 số việc tự phục vụ như: Cát gối, xếp chăn, chiếu cùng cô, cho trẻ đi vệ sinh nếu trẻ có nhu cầu, đối với những trẻ gái có tóc

dài thì cô tập trung lại một nhóm rồi chải và buộc lại tóc cho gọn gàng, sau đó chuyển dần sang hoạt động khác bằng cách trò chuyện với trẻ, cho trẻ hát một bài hát, hay chơi 1 trò chơi nhẹ nhàng đơn giản để trẻ vui vẻ thoải mái.

### 3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

### 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Trẻ được cân đo: trẻ dưới 24 tháng tuổi/1 tháng và trẻ từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi mỗi quý 1 lần. Trẻ được khám sức khỏe 1 năm / 2 lần phối kết hợp với TYT để khám sức khỏe cho trẻ ( thời gian tháng 10/2024 và tháng 4/2025)Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi theo biểu đồ tăng trưởng .Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

## II. GIÁO DỤC

### 1. Giáo dục phát triển thể chất

#### a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

#### b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

#### a) Phát triển vận động

Nội dung	18 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	Hô hấp: tập hít thở.	Hô hấp: tập hít vào, thở ra.
	- Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau.	- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.
	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên.	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</li> <li><i>Tập theo nhạc chung của nhà trường</i></li> <li><i>*Tập với dụng cụ thể dục: quả bóng</i></li> </ul>
<p><b>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò, trườn tới đích.</li> <li>+ Bò chui (dưới dây/gậy kê cao).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.</li> <li>+ Bò chui qua cổng.</li> <li>+ Bò, trườn qua vật cản.</li> <li>+ <i>Bò trong đường hẹp.</i></li> <li>+ <i>Bò theo đường ngoằn ngoèo.</i></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi, chạy:</li> <li>+ Đi theo hướng thẳng.</li> <li>+ Đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi bước qua vật cản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi, chạy:</li> <li>+ Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi có mang vật trên tay.</li> <li>+ Chạy theo hướng thẳng.</li> <li>+ Đứng co 1 chân.</li> <li>+ <i>Đi trong đường ngoằn ngoèo.</i></li> <li>+ <i>Đi bước qua gậy kê cao .</i></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bước lên, xuống bậc thang.</li> <li>- Tập tung, ném:</li> <li>+ Ngồi lăn bóng.</li> <li>+ Đứng ném, tung bóng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập nhún bật:</li> <li>+ Bật tại chỗ.</li> <li>+ Bật qua vạch kẻ.</li> <li>- Tập tung, ném, bắt:</li> <li>+ Tung - bắt bóng cùng cô.</li> <li>+ Ném bóng về phía trước.</li> <li>+ Ném bóng vào đích.</li> </ul>
<p><b>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.</li> <li>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.</li> <li>- Đóng mở nắp có ren.</li> <li>- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông.</li> <li>- Xếp chồng 4 - 5 khối.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ.</li> <li>- Nhón nhặt đồ vật.</li> <li>- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.</li> <li>- Chắp ghép hình.</li> <li>- Chồng, xếp 6 - 8 khối.</li> </ul>

	- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	- Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - <b>Múa theo nhạc</b>
--	--	---

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

<b>Nội dung</b>	<b>18 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</b>	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. <b>( Khi ăn không nói chuyện, không kén chọn đồ ăn, nhặt cơm vãi vào khay)</b> <b>-Kĩ năng cầm thìa</b>
	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
<b>2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</b>	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
	- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	- Làm quen với rửa tay, lau mặt.	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
<b>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ</b>	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

<b>Nội dung</b>	<b>18 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>không an toàn</b>		

## 2. Giáo dục phát triển nhận thức

### a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

### b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

## NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

<b>Nội dung</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan:</b> <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật (<i>Xắc xô, phách, trống....</i>), tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. (<i>Mèo, chó, gà, vịt..</i>).</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.</li> <li>- Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.</li> <li>- Ném vị của một số quả, thức ăn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.</li> <li>- Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua).</li> </ul>
<b>2. Nhận biết:</b> <i>- Một số bộ phận của cơ thể con người</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. , <b>bụng, đầu.</b></li> <li>* <i>Steam:</i></li> </ul>

Nội dung	12 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
<p>- Một số đồ dùng, đồ chơi.</p>		<p>- <b>NB: Khôn mặt đáng yêu của bé.</b></p>
	<p>- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>	<p>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p><b>* Steam:</b>  <b>Dự án đồ dùng cá nhân.</b>  <b>-Nhận biết đồ chơi của bé.</b></p>
<p>- Một số phương tiện giao thông quen thuộc  - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc</p>	<p>- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.</p>	<p>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</p> <p><b>* Steam:</b>  <b>Dự án đường thủy</b>  <b>-Nhận biết thuyền,buồm</b></p>
	<p>- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.</p>	<p>- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.</p> <p><b>* Steam:</b>  <b>Dự án quả:</b>  <b>- Nhận biết quả cam,</b>  <b>- Nhận biết quả quýt</b></p>
<p>- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian</p>	<p>- Màu đỏ, xanh.  - Kích thước to - nhỏ.</p>	<p>- Màu đỏ, vàng, xanh.  - Kích thước to - nhỏ.  - Hình tròn, hình vuông.  - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.  - Số lượng một - nhiều.</p>
<p>- Bản thân, người gần gũi</p>	<p>- Tên của bản thân.  - Hình ảnh của bản thân trong gương.  - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân.</p>	<p>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.</p>
	<p>- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.</p>	<p>- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</p>

Nội dung	12 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
		- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.

### 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

#### a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

#### b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

#### c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	12 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì?	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?
	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
<b>2. Nói</b>	- Phát âm các âm khác nhau.	
	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	- Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, .... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...

<b>Nội dung</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.
	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.
		- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
<b>3. Làm quen với sách</b>	Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

#### **4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ**

##### *a) Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

##### *b) Phát triển kỹ năng xã hội*

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

##### *c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ*

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

#### **NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

<b>Nội dung</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Phát triển tình cảm</b> <i>Ý thức về bản thân</i>	Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.

<b>Nội dung</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
- <b>Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</b>	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
<b>2. Phát triển kỹ năng xã hội</b> - <b>Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</b>	- Giao tiếp với cô và bạn.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.	- Tập sử dụng đồ dùng, ( <b>bát, thìa, cốc uống nước, khăn lau miệng..</b> ) đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
- <b>Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản</b>	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định ( <b>úp cốc lên giá, xếp giày dép lên kệ, vứt rác vào thùng..</b> )
<b>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</b> - <b>Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</b>	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
- <b>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</b>	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, đi màu, nặn[30], xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.

## D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

### I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

#### a) Phát triển vận động

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
<b>1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.
<b>2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b>	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. <b>+ Đi trong đường ngoằn ngoèo.</b> <b>+ Đi bước qua gậy kê cao .</b>
	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2m.
	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. <b>+ Bò trong đường hẹp.</b> <b>+ Bò theo đường ngoằn ngoèo.</b>
	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). <b>+ Tung bóng với cô.</b>
	3.1. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay, tập bẻ	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>18 – 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay</b>	búp bê, tập cho búp bê ăn, tập chơi với búp bê, tập chơi với bát và thìa.	
	3.2. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>18 – 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</b>	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.
	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.
	1.3. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. <b>- KN: Bỏ rác đúng nơi qui định</b>
<b>2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</b>	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn ( <b>lấy nước uống, đi vệ sinh...</b> ).
		2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
<b>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ</b>	3.1. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..) khi được nhắc nhở.	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.

Kết quả mong đợi	18 – 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
không an toàn		- Nhận biết được một số đồ vật gây nguy hiểm: Bút , kéo, hạt hạt...
	3.2. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế..) khi được nhắc nhở.	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.

## II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Kết quả mong đợi	12 - 24 tháng tuổi	24 - 36 tháng tuổi
<b>1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</b>	Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. +Trò chơi bắt chước hành động của người lớn như bế em,xúc cho búp bê ăn...	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
<b>2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</b>	2.1. Bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi ( <i>bế em, xúc cho em ăn</i> ). Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	2.2. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.
	2.3. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	2.4. Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	2.4. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
	2.5. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	2.5. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
		2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.

### III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>18 – 24 tháng tuổi</b>	<b>24 – 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>	1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
	1.2. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”,...	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”, “..... thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)
	1.3. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
<b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>	2.1. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	2.1. Phát âm rõ tiếng.
	2.2. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>18 – 24 tháng tuổi</b>	<b>24 – 36 tháng tuổi</b>
<b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>	3.1. Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
	3.2. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... 3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.

#### **IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ**

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
<b>1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>	Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi). <b>giới tính.</b>
		1.2. Thể hiện điều mình thích và không thích.
<b>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	2.2. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. 2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	2.3. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích ( <i>xâu hoa, xâu hạt</i> ) và quan sát một	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật ( <i>mèo, gà, vịt, chó...</i> ) quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>12 - 24 tháng tuổi</b>	<b>24 - 36 tháng tuổi</b>
	số con vật . ( <i>con gà, con vịt...</i> ).	
<b>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</b>	3.1. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ. - Thể hiện cử chỉ: chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.
	3.2. Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
	3.3. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm .
		3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.( <i>cất đồ chơi, bê ghế, lấy cốc...</i> )
<b>4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</b>	4.1. Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
	4.2. Thích vẽ, xem tranh.	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

## **E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

#### **1. Hoạt động giao lưu cảm xúc**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

#### **2. Hoạt động với đồ vật**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

### **3. Hoạt động chơi**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

### **4. Hoạt động chơi - tập có chủ định**

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

### **5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

## **II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

### **2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

### **3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

## **III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm**

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

### **2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa**

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

### **3. Nhóm phương pháp thực hành**

#### *a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

#### *b) Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

#### *c) Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

### **4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)**

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

### **5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

## **IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

### **1. Môi trường vật chất**

#### *a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp*

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.
- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.
- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

#### *b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời*

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

### **2. Môi trường xã hội**

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

## **G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ [34]**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

### **I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

#### **2. Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

#### **3. Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

## **II - ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

### **1. Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

### **2. Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

### **3. Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

### **4. Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

## **Phần ba**

### **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO**

#### **A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

*Trường mầm non Đại Hưng* là môi trường được tạo dựng trên cơ sở bầu không khí Sư phạm trong nhà trường, mối quan hệ tác động qua lại. Môi trường TL-XH cần tạo cho trẻ cảm thấy: được an toàn, có giá trị, được yêu thương, được hiểu, được tôn trọng, được tự do chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. . Hình thành và phát triển

ở trẻ những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo.

Chương trình giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội (đối với trẻ 5-6 tuổi) - 100% trẻ 5 -6 tuổi nhận biết được những hành vi đúng và đẹp, bước đầu có kỹ năng thói quen rèn luyện hành vi đẹp của bản thân trong đời sống hàng ngày theo chuẩn mực xã hội văn hoá người Hà Nội.

Đồng tâm phát triển, vận dụng phương pháp giáo dục Steam với các độ tuổi, giúp trẻ nâng cao khả năng học tập, trải nghiệm, tìm tòi, khám phá, tạo thói quen học tập tích cực, tư duy logic và giải quyết các vấn đề.

Chương trình Làm quen Tiếng anh cho trẻ mẫu giáo theo Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT NGÀY 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

### **II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

### **III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

#### **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Trẻ được lĩnh hội và bày tỏ cảm xúc, tình cảm của mình với mọi người và mọi vật xung quanh phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội đối với từng độ tuổi.
- Tự hào về bản thân( nói được những đặc điểm bên ngoài, sở thích khả năng nổi trội...được người khác ghi nhận và đánh giá cao)
- ***Thực hiện được lời hứa của mình: Nhận lỗi và sửa lỗi.***
- ***Biết thể hiện sự an ủi chia sẻ với người thân và bạn bè qua cử chỉ, hành động, lời nói.***
- ***Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường sống xung quanh.***
- ***Thực hiện được các hành vi ứng xử có văn hoá.***
- ***Các hành vi tích cực bảo vệ đồ vật, con vật gần gũi, yêu***
- ***Kiểm soát cảm xúc của bản thân , chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm với mọi người xung quanh.***

#### **V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp[36].

### **B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN[37]**

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Khung chương trình bắt đầu từ ngày 05/9/2024 đến ngày 29/5/2025. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh

hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nề nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

### CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Mùa hè	Mùa đông	Hoạt động
7h00 – 8h20 phút	7h00 – 8h30 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
8h20 – 9h10 phút	8h30 – 9h00 phút	Hoạt động học
9h10 – 9h50 phút	9h00 – 9h40 phút	Chơi ngoài trời
9h50 – 10h40 phút	9h40 – 10h30 phút	Chơi , hoạt động ở các góc
10h40 - 11h40 phút	10h30 – 11h30 phút	Ăn bữa chính
11h40 - 14h10 phút	11h30 – 14h00 phút	Ngủ trưa
14h10 – 14h40 phút	14h00 – 14h30 phút	Ăn bữa phụ
14h40 – 16h10 phút	14h30 – 16h00 phút	Chơi hoạt động theo ý thích
16h10 – 17h00 phút	16h00 – 16h45 phút	Vệ sinh , trả trẻ

## C. NỘI DUNG

### I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

#### 1. [39] Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:  
+ Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần để tránh cho trẻ không bị nhàm chán; khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định của Chương trình GDMN.

+ Thực đơn: Chú trọng khâu chế biến, phối hợp đa dạng các loại thực phẩm để cung cấp nhiều chất dinh dưỡng khác nhau cho cơ thể.

+ Niêm yết công khai thực đơn ở cửa lớp để cha mẹ trẻ cùng phối hợp trong việc tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). Nước uống đựng trong bình có nắp đậy kín, nóng lạnh đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.

- Đồ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn, uống: Có đủ bàn, ghế đúng quy cách cho trẻ, tuyệt đối không để trẻ đứng hoặc ngồi ăn ở dưới sàn nhà. Có đủ dụng cụ chia thức ăn cho trẻ; đủ bát, thìa, kích thước phù hợp cho mỗi trẻ, chuẩn bị dư số bát, thìa so với số trẻ để phòng trẻ làm rơi. Đồ dùng ăn, uống của trẻ đảm bảo vệ sinh; đủ cốc uống nước, khăn lau mặt có kí hiệu riêng cho mỗi trẻ.

- Giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt. Đặc biệt giáo viên chú ý đến từng cá nhân trẻ để có biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp.

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

## **2. Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

- Chuẩn bị đồ dùng cho trẻ ngủ chu đáo: sập, chiếu, gối, chăn, đệm, sắp xếp vị trí nằm cho trẻ phù hợp: Khu vực trẻ ngủ phải thoáng đãng, sạch sẽ, tránh tổ chức ngủ tại khu vực gần nhà vệ sinh, khu vực bị ô nhiễm. Không cho trẻ nằm ngủ trên chiếu trải trực tiếp trên nền nhà. Phòng ngủ phải thoáng mát ( mùa đông phải ấm) yên tĩnh, bớt ánh nắng khi trẻ ngủ.

- Mỗi trẻ có 1 gối và chăn đắp cho trẻ đủ ấm về mùa đông.

- Giáo viên trực thường xuyên phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi trẻ ngủ.

- Cần chú ý đến đặc điểm riêng của trẻ. Những trẻ yếu hoặc có nhu cầu ngủ nhiều nên cho ngủ trước. Những trẻ hay quấy khóc, chưa quen với nề nếp ở nhà trẻ, cô nên dỗ trẻ, cho trẻ ngủ riêng.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ cùng chuẩn bị chỗ ngủ, nhắc trẻ đi vệ sinh, tự đi đến chỗ ngủ. Ngoài cử chỉ nhẹ nhàng, lời nói dịu dàng, dỗ trẻ ngủ, cô nên hát những bài hát ru, dân ca hoặc mở nhạc nhẹ để ru trẻ ngủ.

- Về mùa hè, nếu dùng quạt điện chú ý vận tốc độ vừa phải và để xa từ phía chân trẻ: nếu dùng điều hòa nhiệt độ không để nhiệt độ quá lạnh. Khi trẻ ngủ không mặc quá nhiều quần áo, nhưng đảm bảo cho trẻ đủ ấm về mùa đông.

- Cần giữ yên tĩnh khi trẻ ngủ, tránh cười, nói to và những tiếng động mạnh làm trẻ giật mình.

- Nếu có trẻ thức dậy sớm và quấy khóc, cô cần dỗ dành trẻ ngủ tiếp, nếu trẻ không ngủ nữa thì đưa trẻ sang chỗ khác, dỗ trẻ chơi (cho trẻ đi vệ sinh trong khi ngủ khi trẻ có nhu cầu).

### **3. Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

#### ***Vệ sinh cá nhân cho trẻ:***

+ Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ: vòi nước, gáo, chậu, khăn, giấy vệ sinh.

+ Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. Dạy trẻ cách giữ vệ sinh cho bản thân, giữ gìn nhà vệ sinh sạch sẽ.

+ Hướng dẫn trẻ rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh.

+ Nhắc trẻ uống nước, súc miệng sau khi ăn.

+ Không cho trẻ mặc quần, áo ẩm ướt. Cởi bớt quần áo cho trẻ khi trời nóng, mặc thêm áo khi trời lạnh.

#### ***Vệ sinh đối với giáo viên:***

+ Quần áo, đầu tóc phải luôn gọn gàng, sạch sẽ.

+ Đảm bảo bàn tay phải luôn sạch sẽ khi chăm sóc trẻ.

#### ***Vệ sinh môi trường***

- Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:

+ Ca, cốc, bát thìa phục vụ cho trẻ ăn, uống phải luôn được vệ sinh sạch sẽ, để đúng nơi quy định. Mỗi trẻ có ca, cốc, bát thìa khăn mặt riêng (có ký hiệu riêng của trẻ).

+ Bình đựng nước cho trẻ có nắp đậy, được vệ sinh hằng ngày, để nơi sạch sẽ.

+ Bàn ghế, đồ dùng trong lớp thường xuyên lau sạch sẽ.

+ Đồ chơi luôn được vệ sinh sạch sẽ an toàn khi trẻ chơi. Hàng tuần, vệ sinh đồ chơi của trẻ ít nhất một lần.

- Vệ sinh phòng nhóm:

+ Mỗi ngày lau nhà ít nhất 3 lần: trước giờ đón trẻ, sau 2 bữa ăn.

- + Không đi guốc, dép bẩn vào phòng trẻ. Tổng vệ sinh phòng nhóm 1 lần/ tuần.
- + Vệ sinh sân trường sạch sẽ, khơi thông cống rãnh, phát quanh bụi rậm quanh trường...

- Vệ sinh nhà vệ sinh: Đảm bảo nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, không có mùi, an toàn và thoải mái khi trẻ sử dụng. Hàng ngày tổng vệ sinh trước khi ra về.

- Xử lý rác thải: Rác thải thu gom, phân loại và đổ rác đúng nơi quy định. Giáo dục trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.

- Cung cấp đủ nước sạch cho trẻ,

#### ***Về sinh môi trường ngoài lớp học***

- + Làm tốt công tác tuyên truyền về việc bảo vệ môi trường.

- + Trang bị được các khu các thùng rác to có nắp đậy, để thu gom rác thải hàng ngày.

- + Phối hợp chặt chẽ với tổ thu gom rác thải thôn Trinh Tiết để thực hiện tốt về việc xử lý rác thải đúng quy định để bảo vệ môi trường chung sạch sẽ.

#### ***4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn***

- Thường xuyên vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp, vệ sinh đồ dùng trong lớp.

- Khám sức khỏe định kỳ. Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ vào tháng 10/2024 và tháng 4/2025. Lưu kết quả và thông báo cho gia đình kết quả kiểm tra sức khỏe của trẻ.

- Trẻ được cân, đo trẻ mỗi quý 1 lần vào tháng 9, 12, 4. Sau mỗi lần cân đo, chấm biểu đồ và cập nhập trên phần mềm quản lý trẻ để phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng và xử trí một số bệnh thường gặp:

- + Nhắc nhở và tuyên truyền cho phụ huynh tiêm phòng đầy đủ cho trẻ theo hướng dẫn của Trạm y tế địa phương. Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe của trẻ sau tiêm chủng.

- + Nếu trong lớp, trường có một số trẻ mắc cùng một bệnh cần tìm nguyên nhân, có biện pháp phối hợp với nhân viên y tế tìm biện pháp giải quyết.

- + Khi trẻ mắc bệnh truyền nhiễm phải để trẻ ở nhà trong thời kỳ lây bệnh và theo dõi những trẻ khoẻ để đề phòng dịch bệnh xảy ra.

- Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm:

- + Khi đón trẻ và chăm sóc trẻ trong cả ngày, nếu thấy gì bất thường phải theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ một cách cẩn thận. Nếu có nghi ngờ trẻ mắc bệnh truyền nhiễm phải đưa đến phòng y tế của trường hoặc đưa đến khám ở cơ sở y tế gần nhất, đồng thời báo cho bố mẹ đến đưa trẻ về nhà chăm sóc.

+ Phát hiện sớm một số bệnh thường gặp ở trẻ: Nhiễm khuẩn đường hô hấp, ỉa chảy, nôn mửa.

- Dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí thân mật như ở gia đình. Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ.

- Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ.

- Bảo đảm đủ ánh sáng cho lớp học, tạo không gian cho trẻ hoạt động trong lớp không kê bàn ghế quá nhiều, sắp xếp đồ dùng đồ chơi trong nhóm hợp lý.

- Nhà vệ sinh phù hợp, tránh để sàn bị trơn dễ gây trượt ngã.

- Giáo viên cần có ý kiến kịp thời khi thấy cơ sở vật chất chưa đảm bảo an toàn cho trẻ tại nhóm lớp mình phụ trách với ban giám hiệu.

- Lập nhóm zalo của lớp để thường xuyên trao đổi với phụ huynh về tình hình chăm sóc, sức khỏe của trẻ

- Tạo môi trường tâm lý thoải mái và an toàn cho trẻ hoạt động.

## II. GIÁO DỤC

### 1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

#### a) Phát triển vận động

- [40] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- [41] Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- [42] Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

#### b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

#### a) Phát triển vận động

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. [43] Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. <b>Kết hợp sử dụng dụng cụ “Quả bóng...”</b>		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưng, bụng, lườn:</li> <li>+ Cúi về phía trước.</li> <li>+ Quay sang trái, sang phải.</li> <li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưng, bụng, lườn:</li> <li>+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.</li> <li>+ Quay sang trái, sang phải.</li> <li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưng, bụng, lườn:</li> <li>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</li> <li>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.</li> <li>+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân:</li> <li>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.</li> <li>+ Co duỗi chân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân:</li> <li>+ Nhún chân.</li> <li>+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.</li> <li>+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân:</li> <li>+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.</li> <li>+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</li> </ul> <p><i>Tập với bài hát có lời ca theo tháng Tập Aerobic, dân vũ.</i></p>
<p><b>2. [44] Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi và chạy:</li> <li>+ Đi kiễng gót.</li> <li>+ Đi, chạy thay đổi tốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi và chạy:</li> <li>+ Đi bằng gót chân, đi khuyu gót, đi lùi.</li> <li>+ Đi trên ghé thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi và chạy:</li> <li>+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gót.</li> <li>+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.</li> </ul>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>trong vận động</b>	<p>độ theo hiệu lệnh.</p> <p>+ Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.</p> <p>+ Đi trong đường hẹp.</p> <p>+Đi bước dồn ngang.</p> <p>+Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.</p> <p>+Đi bằng gót chân.</p> <p>+Đi trên ghế thể dục.</p>	<p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</p> <p>+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm 60 - 80m.</p> <p><b>- Đi trên ván dốc (dài 2m cao 25cm, rộng 30cm)</b></p> <p>+ <b>Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</b></p> <p>+ <b>Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</b></p> <p>+ <b>Chạy chậm 60 - 80m.</b></p> <p>+ <b>Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</b></p> <p>+ <b>Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.</b></p>	<p>+ Đi nối bàn chân tiến, lùi.</p> <p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.</p> <p>+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm khoảng 100 - 120m.</p>
	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.</p> <p>+ Bò chui qua cổng.</p> <p><b>+Bò trong đường hẹp.</b></p>	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m.</p> <p>+ Bò dích dắc qua 5 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn theo hướng thẳng.</p>	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m.</p> <p>+ Bò dích dắc qua 7 điểm.</p> <p>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p>

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trườn về phía trước.</li> <li>+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</li> <li>+ Trèo lên, xuống 5 giống thang.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trèo lên xuống 7 giống thang.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay.</li> <li>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</li> <li>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</li> <li>+ Chuyển bắt bóng qua đầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>+ Tung bắt bóng với người đối diện.</li> <li>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>+ Ném trúng đích bằng 1 tay.</li> <li>+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung, ném, bắt:</li> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>+ Tung, đập bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Đi và đập bắt bóng.</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật - nhảy:</li> <li>+ Bật tại chỗ.</li> <li>+ Bật về phía trước.</li> <li>+ Bật xa 20 - 25 cm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật - nhảy:</li> <li>+ Bật liên tục về phía trước.</li> <li>+ Bật xa 35 - 40cm.</li> <li>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</li> <li>+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</li> <li>+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</li> <li>+ Nhảy lò cò 3m.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật - nhảy:</li> <li>+ Bật liên tục vào vòng.</li> <li>+ Bật xa 40 - 50cm.</li> <li>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).</li> <li>+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.</li> <li>+ Bật qua vật cản 15 - 20cm.</li> <li>+ Nhảy lò cò 5m.</li> </ul>
<b>3. [45] Các cử động của bàn tay, ngón tay,</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</li> <li>- Bẻ, nắn.</li> </ul>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>ngón tay cô tay, cuộn cô tay.</li> <li>- Múa theo nhạc.</li> <li>- Đan, tết.</li> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.</li> <li>- Xé, dán giấy.</li> <li>- Sử dụng kéo, bút.</li> <li>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</li> <li>- Cài, cởi cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nối...</li> <li>- Gập giấy.</li> <li>- Lắp ghép hình.</li> <li>- Xé, cắt đường thẳng.</li> <li>- Tô, vẽ hình.</li> <li>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ráp.</li> <li>- Xé, cắt đường vòng cung.</li> <li>- Tô, đồ theo nét.</li> <li>- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</li> </ul>

*b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</li> <li>- Nhận biết 1 số món ăn quen thuộc của địa phương « Phở gà, phở bò, nem »</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</li> <li>- Làm quen với một</li> </ul>
<b>chúng đối với sức khỏe</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</li> <li><b><i>- Biết ăn chín uống sôi, để cơ thể khỏe mạnh</i></b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> </ul>		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
<b>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Tập rửa tay bằng xà phòng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</li> <li><b>Bài 1: Rửa tay sạch sẽ</b></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</li> </ul>
<b>3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</li> <li><b>Bài 2: Ngồi ngay ngắn trong khi ăn</b></li> <li><b>Bài 3: Lấy thức ăn vừa đủ, ăn từ tốn</b></li> <li><b>Bài 4: Gọn gàng sau khi ăn</b></li> <li><b>Bài 5: Rót nước và uống nước đúng cách</b></li> <li><b>Bài 27: Ăn tối ở nhà hàng</b></li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</li> <li>- <b>Cách giữ gìn vệ sinh thân thể (rửa tay, lau mặt, tắm gội, thay quần áo...)</b></li> <li>- <b>Cách giữ vệ sinh môi trường (bỏ rác vào thùng, không vứt rác ra phòng)</b></li> </ul>		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết.</p>	<p>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p>	<p>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. <b>Bài 12: Lựa chọn trang phục phù hợp</b></p>
	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</p>	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</p>	<p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. <b>ho, nóng sốt, chảy nước mũi, đau bụng ...)</b></p>
	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. <b>(Bàn là, phích nước nóng, mũi dao, kéo, vật sắc nhọn, hồ, ao, sông, biển, giếng nước, lan can cầu thang, ổ điện, đường giao thông ...)</b></p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. <b>(bị lạc, bị bắt cóc, xâm hại, đánh mắng, đe dọa...)</b></p>		<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. <b>(Bàn là, phích nước nóng, mũi dao, kéo, vật sắc nhọn, hồ, ao, sông, biển, giếng nước, lan can cầu thang, ổ điện, đường giao thông ...)</b></p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. <b>(bị lạc, bị bắt cóc, xâm hại, đánh mắng, đe dọa...)</b> <b>Bài 14: Vui chơi an toàn</b></p>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			<p><i>Bài 15: Vui chơi lành mạnh</i></p> <p><i>Bài 20: Văn minh khi đi thang máy</i></p> <p><i>Bài 23: Trên đường đến lớp</i></p>

## 2. Giáo dục phát triển nhận thức

### a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

### b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

### c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

## NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

### a) Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>1. Các bộ phận của cơ thể con người</b>	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
<b>2. Đồ vật:</b> <i>Đồ dùng, đồ chơi</i>	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>+ Đồ dùng cá nhân của bé</p> <p>+ Đồ dùng, đồ chơi trong lớp</p> <p>+ Đồ dùng học tập.</p> <p>+ Đồ dùng trong gia đình</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>	
		<p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</p>	<p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.</p>
<i>Phương tiện giao thông</i>	<p>Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	<p>Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- <b>Trò chuyện về phương tiện giao thông đường bộ</b></p> <p>- <b>Trò chuyện về phương tiện giao thông đường sắt</b></p> <p>- <b>Trò chuyện về phương tiện giao thông đường thủy</b></p> <p>* <b>Steam:</b></p> <p>- <b>Dự án phương tiện giao thông</b></p>	<p>Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.</p> <p>*<b>STEAM:</b></p> <p><b>Dự án giao thông</b></p>

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>3. Động vật và thực vật</b>	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. <b>*Steam</b> - <b>Dự án động vật</b> - <b>Dự án hoa</b>	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. <b>*STEAM:</b> - <b>Dự án hoa</b> - <b>Dự án động vật</b>
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
<b>4. Một số hiện tượng tự nhiên:</b> <i>Thời tiết, mùa</i>	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i>	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm. <b>*Steam</b> <b>- Dự án ánh sáng</b>	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
<i>Nước</i>	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. <b>* Steam:</b> <b>- Dự án nước</b>	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. <b>+ Đồ dùng cá nhân của bé</b> <b>+ Đồ dùng, đồ chơi trong lớp</b> <b>+ Đồ dùng học tập.</b> <b>+ Đồ dùng trong gia đình</b> <b>+ Đồ dùng, đồ chơi khác</b>	
<i>Không khí, ánh sáng,</i>	Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
<i>Đất đá, cát, sỏi</i>	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		

*b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</b>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	- [46] 1 và nhiều.	- [47] Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	- [48] Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm[49].
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, <b>số trên đồng hồ, tờ lịch, quyển lịch,..</b> ..).	
<b>2. Xếp tương ứng</b>	Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
<b>3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc</b>	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. ( <b>ít nhất 3 đối tượng</b> ).	
		-	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
<b>4. Đo lường</b>		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. <b>- Đo các vật trong thực tế</b>
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
<b>5. Hình dạng</b>	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
<b>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</b>	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.

c) Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</b>	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <b>Tên lớp và tên trường trẻ đang học</b> - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
		cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - <b>Công việc, nghề nghiệp của bố mẹ.</b>	Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. * <b>Steam:</b> <b>Dự án gia đình</b>
	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
<b>2. Một số nghề trong xã hội</b>	Tên gọi một số nghề (giáo viên, bác sĩ, nghề nông, thợ may, xây dựng...) Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. * <b>Steam:</b> - <b>Dự án bộ đội</b> - <b>Nghề nghiệp của bố mẹ trẻ</b> - <b>Nghề truyền thống của quê hương: thợ may, nghề nông.</b>	
<b>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</b>	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - <b>Cờ Tổ quốc, quốc ca Việt Nam</b> - <b>Di tích lịch sử đình chùa, nghĩa trang liệt sỹ</b> - <b>Ngày lễ hội của địa phương, ngày tết trung thu, Tết nguyên Đán, 8/3, 20/10, 20/11, 1/6, ...</b> * <b>Steam:</b> - <b>Dự án Trung Thu</b> - <b>Dự án Tết Nguyên Đán</b>	

### 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

#### a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

*b) Nói*

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

*c) Làm quen với việc đọc, viết*

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>1. Nghe</b>	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		
<b>2. Nói</b>	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. <b>- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.</b>	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe[52].	- Kể lại truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.	
<b>3. Làm quen với đọc, viết</b>	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng một số chữ cái. - <i>Nhận dạng một số chữ cái (15/29 chữ cái: o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, w, i, t, c, h, k) và các nét.</i>	- Nhận dạng các chữ cái. <i>In thường, in hoa, viết thường</i>
		- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
			- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</li> <li>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</li> <li>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</li> <li>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</li> </ul>		
	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</li> <li>- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</li> </ul>	
	- Giữ gìn sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách.	

#### **4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

##### *a) Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

##### *b) Phát triển kỹ năng xã hội*

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

#### **NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Phát triển tình cảm</b> - Ý thức về bản thân	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
			- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học <i>. Bài 28: Kỳ nghỉ cùng gia đình</i> <i>Bài 29: Dự sinh nhật bạn</i>
			- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. <i>Bài 9: Mạnh dạn, tự tin</i> <i>Bài 11: Trang phục gọn gàng, sạch sẽ.</i> <i>Bài 22: Sớm mai thức dậy</i> <i>Bài 26: Những giấc ngủ ngon</i>
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt,	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ,

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<i>vật và hiện tượng xung quanh.</i>		cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. <b>Bài 17: Quan tâm tới mọi người</b> <b>Bài 18: Nụ cười thân thiện</b>
	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Kính yêu Bác Hồ. <b>Thể hiện tình cảm với bác Hồ qua múa hát, kể chuyện, đọc thơ, tô, vẽ...</b> - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
<b>2. Phát triển kỹ năng xã hội</b> <i>- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i> <i>- Quan tâm đến môi trường</i>	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).  - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). <b>Bài 19: Gõ cửa phòng, bấm chuông cửa</b> <b>Bài 24: Học tập và vui chơi</b> <b>Bài 25: Tham quan triển lãm</b>  - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. <b>- Biết nói lời cảm ơn xin lỗi và chào hỏi lễ phép.</b>	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. <b>Bài 6: Chào hỏi, xưng hô phù hợp</b>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Biết vâng lời ông bà, bố mẹ</b></li> <li>- <b>Biết vâng lời cô giáo</b></li> <li>- <b>Giáo dục lễ giáo cho trẻ</b></li> <li>- Chờ đến lượt, hợp tác.</li> </ul>	<p><b>Bài 7: Nói năng lịch sự</b></p> <p><b>Bài 8: Cảm ơn, xin lỗi khi cần</b></p> <p><b>Bài 10: Lắng nghe người khác, xin phép khi có ý kiến</b></p> <p><b>Bài 30: Đến thăm nhà bác</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.</li> <li>* <b>Steam: - Dự án yêu thương.</b></li> <li><b>Bài 31: Niềm vui đón Tết.</b></li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi hòa thuận với bạn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm, giúp đỡ bạn.</li> <li>- <b>Quan tâm, chia sẻ với người thân trong gia đình</b></li> <li>- <b>Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.</li> <li><b>Bài 13: Vui chơi đoàn kết</b></li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</li> <li>- <b>Trẻ có những thói quen lễ giáo tốt</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết kiệm điện, nước.</li> <li>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</li> <li>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết kiệm điện, nước.</li> <li>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</li> <li>- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.</li> <li><b>Bài 21: Văn minh nơi công cộng</b></li> </ul>	

## 5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
- b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật [53].</b>	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	sống và tác phẩm nghệ thuật.	
<b>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc[54] và hoạt động tạo hình[55].</b>	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu[56].	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu[57].
	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</b>	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. <b>Bài 16: Vui chơi sáng tạo</b>
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

## D. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

### I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

#### a) Phát triển vận động

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. <i>Đi bước dồn ngang.</i> <i>Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.</i>	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. <i>- Tập theo hiệu lệnh bản nhạc/ bài hát.</i>	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. <i>-Tập với lời nhạc bài hát theo tháng Tập Aerobic, dân vũ</i>
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</b>	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. <i>- Đi trên ván dốc (dài 2m cao 25cm, rộng 30cm)</i> + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: <i>+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối.</i> <i>+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn).</i> <i>+ Đi bước chéo sang ngang.</i> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		<p>+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</p> <p>+ Chạy chậm 60 - 80m.</p> <p>+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</p> <p>+ Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.</p> <p>+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây...</p>	<p>- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.</p> <p>- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.</p>
	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <p>- Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</p> <p>- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.</p>	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <p>Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc)</p> <p>+ <i>Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</i></p> <p>+ <i>Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</i></p> <p>+ <i>Chạy chậm 60 - 80m.</i></p> <p>+ <i>Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</i></p>	<p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <p>Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).</p> <p>+ <i>Chạy và vượt qua chướng ngại vật.</i></p> <p>+ <i>Chạy thay đổi tốc độ, đổi hướng theo hiệu lệnh.</i></p> <p>+ <i>Chạy chậm 100-120m</i></p>

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).</li> <li>- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</li> </ul>	<p>+ <i>Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.</i></p> <p>2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).</li> <li>+ <i>Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</i></li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).</li> <li>- Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.</li> </ul>	<p>2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).</li> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m).</li> <li>- Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.</li> <li>+ <i>Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay</i></li> <li>+ <i>Tung, đập bắt bóng tại chỗ.</i></li> <li>+ <i>Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</i></li> <li>+ <i>Ném trúng đích nằm ngang (bằng 1 tay, 2 tay).</i></li> <li>+ <i>Chuyền bóng bằng 2 tay qua đầu, ra sau</i></li> </ul>
	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.</li> </ul>	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.</li> </ul>	<p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.</li> </ul>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trứng đích ngang (xa 1,5 m).</li> <li>- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.</li> <li>- Bò trong đường đích dắc (2 - 3 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trứng đích ngang (xa 2 m).</li> <li>- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trứng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).</li> <li>- Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.</li> <li>+ <i>Bò đích dắc qua 7 điểm.</i></li> <li>+ <i>Bò bằng bàn tay và bàn chân.</i></li> <li>+ <i>Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</i></li> <li>+ <i>Bật liên tục vào vòng.</i></li> <li>+ <i>Bật tách chân, chụm chân qua 7 ô.</i></li> <li>+ <i>Bật qua vật cản 15 - 20cm.</i></li> <li>+ <i>Bật sâu từ trên cao xuống (40 – 50cm)</i></li> <li>+ <i>Nhảy lò cò 5m.</i></li> </ul>
<b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</b>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, đan ngón tay vào nhau.</li> </ul>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộn - xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, mở, các ngón tay.</li> <li>- <i>Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</i></li> </ul>	<p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</li> <li>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</li> </ul>
	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay,</p>	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp</p>	<p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp</p>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Tự cài, cởi cúc.	tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).[58]

*b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</b>	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	
	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khỏe	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh,	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	<p>mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<p>thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</p> <p><i>- <b>Biết ăn chín uống sôi, để cơ thể khỏe mạnh</b></i></p>	<p>nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p>
<p><b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b></p>	<p>2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rửa tay, lau mặt, súc miệng.</li> <li>- Tháo tất, cởi quần, áo...</li> </ul>	<p>2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</li> <li>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</li> </ul>	<p>2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</li> <li>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.</li> </ul>
	<p>2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<p>2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>
<p><b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b></p>	<p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:</p> <p>uống nước đã đun sôi...</p>	<p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</li> <li>- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</li> </ul>	<p>3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</li> <li>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> </ul>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	<p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không uống nước lã.</li> <li>- <b><i>Không đùa nghịch, không làm vãi thức ăn.</i></b></li> </ul> <p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</li> <li>- <b><i>Ngồi ngay ngắn trong khi ăn.</i></b></li> <li>- <b><i>Lấy thức ăn vừa đủ</i></b></li> <li>- <b><i>Gọn gàng sau khi ăn</i></b></li> </ul> <p>3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> <li>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.</li> </ul>
<p><b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</b></p>	<p>4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p>	<p>4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>	<p>4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - <b>Biết vui chơi an toàn và vui chơi lành mạnh</b></p>
	<p>4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</li> <li>- Không tự lấy thuốc uống.</li> </ul>	<p>4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</li> </ul>	<p>4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>- Không nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết không tự ý uống thuốc.</li> <li>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</li> </ul>
		<p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p>	<p>4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p>

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</li> <li>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</li> <li>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</li> <li>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</li> </ul>
			<p>4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</li> </ul>

## II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

### a) Khám phá khoa học

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
<p><b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</b></p>	<p><i>1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</i></p> <p><i>*Steam:</i></p> <p><i>+ Dự án Trung thu: Khám phá đèn lồng, khám phá bánh trung thu.</i></p> <p><i>+Dự án Ngày phụ nữ Việt Nam: Tìm hiểu ngày 20/10</i></p> <p><i>+Dự án cô giáo: Tìm hiểu ngày 20/11.</i></p> <p><i>+Dự án: Bộ đội: Tìm hiểu nghề bộ đội.</i></p> <p><i>+Dự án động vật: Khám phá con gà, con mèo, con vịt.</i></p> <p><i>+Dự án tết yêu thương: Khám phá bánh chưng, khám phá bánh giày, Khám phá quả quýt.</i></p>	<p>1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?....</p>	<p>1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...</p>

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p><b>+Dự án thực vật</b> <b>:Khám phá quả cam, Khám phá hoa hồng, Khám phá hoa sen.</b></p> <p><b>+Dự án ngày quốc tế phụ nữ 8/3: Tìm hiểu về ngày 8/3</b></p> <p><b>+Dự án giao thông: Khám phá xe đạp, khám phá ô tô, khám phá thuyền.</b></p> <p><b>+Dự án nước: Khám phá nước.</b></p> <p><b>+Dự án Bác Hồ: Tìm hiểu về Bác Hồ.</b></p>		
	<p>1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước</p>	<p>1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự</p>	<p>1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p> <p>1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới,</p>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	để nhận biết vật chìm hay nổi.	đoán, quan sát, so sánh. Ví dụ: vật nổi, vật chìm.	theo dõi và so sánh sự phát triển.
	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. <b><i>-Xem video bằng hình và thảo luận.</i></b>	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. <b><i>Khác nhau</i></b>	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</b>	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.
		2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</b>	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	3.1. Nhận xét, <i>thảo luận</i> trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...[59] - [60] - [61] - [62]	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...[63] - [64] - [65] - [66]	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...[67] - [68] - [69] - [70]

*b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng</b>	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
		1.6. Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
		1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
<b>2. Sắp xếp theo quy tắc</b>	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. 2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. 2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>3. So sánh hai đối tượng</b>	So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Sử dụng được[71] dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. <b>- Đo đồ vật thực tế</b>	Sử dụng được[72] một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.
<b>4. Nhận biết hình dạng</b>	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...). 4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. <b>- Lắp ghép các hình để tạo thành hình mới</b>	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. 5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. <b>- Sự khác biệt giữa ngày và đêm</b>	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. 5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c) Khám phá xã hội

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Nhận biết bản</b>	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</b>	bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
	1.4. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
		1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
		1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
<b>2. Nhận biết một số</b>	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề	Kể tên, công việc, công cụ, sản	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</b>	nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. <i>-Ngày hội đến trường của bé</i> <i>-Tết Trung thu; Tết Nguyên đán</i> <i>-Ngày PNVN 20/10</i> <i>-Ngày NGVN 20/11</i> <i>- Ngày TLQĐNDVN 22/12</i>	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 02/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.
	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. <i>- Trò chuyện về di tích lịch sử Đền Chung, Đình Tổng.</i>	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

### III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
		bông hoa màu vàng”.	T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).
	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b>	2.1. Nói rõ các tiếng.	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.
	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...
	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự. - <b>Kể chuyện theo tranh</b>	2.4. Miêu tả sự việc với một số[73] thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...
	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	2.7. Bắt chước giọng cử chỉ, điệu bộ nói của nhân vật trong truyện.	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.
	2.9. Nói đủ nghe, không nói lý nhí.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
<b>3. Làm quen với việc đọc - viết</b>	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh.	3.1. Chọn sách để xem.	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.
	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	- Mô tả hành động của nhân vật trong tranh.		
		3.3. Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
		3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cắm lửa, nơi nguy hiểm,..	3.4. Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cắm lửa, biển báo giao thông...
			3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.
	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	3.5. Sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. <i>- Nhận dạng một số chữ cái (15/29 chữ cái: o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, w, i, t, c, h, k) và các nét.</i>	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

#### **IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Thể hiện ý thức về bản thân</b>	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
			chỉ nhà hoặc điện thoại. <b>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</b>
	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
			1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
			1.4. Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.
			1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</b>	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). <b>-Tự giác làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).</b>
	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).		
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>	<p>3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.</p> <p>- Mô tả được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.</p>	<p>3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<p>3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.</p> <p><b>- <i>Biết ứng xử phù hợp</i></b></p>
	<p>3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động</p>	<p>3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p>	<p>3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.</p>
			<p>3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.</p> <p><b>- <i>Biết quan tâm chia sẻ với người thân và bạn bè.</i></b></p>
	<p>3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</p> <p>- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>	<p>3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p>	<p>3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)</p>
	<p>3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát,</p>	<p>3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ</p>	<p>3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua</p>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. <i>- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài thơ, câu chuyện, các bài hát, bản nhạc gần gũi về Bác Hồ</i>	qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cát đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. <i>- Chơi hoà thuận với bạn.</i>	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... <i>- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).</i>	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. <i>- Phát triển ngôn ngữ văn minh cho trẻ.</i> <i>- Giáo dục lễ giáo cho trẻ</i>	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. <i>- Biết tự giác chào hỏi lễ phép.</i> <i>- Biết cảm ơn xin lỗi khi cần</i>

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói. <i>Không ngắt lời người khác khi người khác đang nói.</i>	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. <i>- Biết nói năng lịch sự, lễ phép</i>
		4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. <i>- Rèn kỹ năng xếp hàng cho trẻ</i>	4.4. Biết chờ đến lượt.
	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...) <i>- Biết chia sẻ kinh nghiệm với bạn</i>	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. <i>- Biết hợp tác, đoàn kết cùng bạn</i>
			4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). <i>- Biết tôn trọng, hợp tác, chấp nhận</i>
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. <i>- Bảo vệ chăm sóc cây cối.</i>	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.		
		5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
		5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

## V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật[74]</b>	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ;	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ;	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	thích nghe kể câu chuyện[75].	thích nghe và kể câu chuyện[76].	nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện [77].
	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
<b>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc[78] và hoạt động tạo hình[79]</b>	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu, lời ca bài hát quen thuộc.	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... <i>cử chỉ...</i>	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. <b>* STEAM</b> <b>-Dự án Tết trung thu: Trang trí đèn lồng, Trang trí bánh trung thu.</b>	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. <b>Trẻ được tiếp cận với các xu hướng nghệ thuật tạo hình dân gian ( Tranh Đông Hồ, tranh</b>	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

Kết quả mong đợi	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p><i>-Dự án mẹ: Làm thiệp tặng mẹ</i></p> <p><i>- Dự án cô giáo: Làm quà tặng cô, Làm thiệp tặng cô, Trang trí váy tặng mẹ.</i></p> <p><i>-Dự án bộ đội: Làm ống nhòm tặng chú bộ đội, làm thiệp tặng chú bộ đội, làm quà tặng chú bộ đội.</i></p> <p><i>-Dự án động vật: Làm tổ chim, làm ổ gà, làm chú sấu.</i></p> <p><i>*Steam:</i></p> <p><i>- Dự án tết yêu thương: Làm bánh chưng, Làm cành đào</i></p> <p><i>- Dự án thực vật: Làm lọ hoa, làm đĩa quả.</i></p> <p><i>-Dự án ngày quốc tế phụ nữ: Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ.</i></p> <p><i>-Dự án giao thông: Làm thuyền, làm ô tô</i></p> <p><i>-Dự án nước: Làm bè nổi trên mặt nước, làm cốc đựng nước.</i></p>	<p><i>thêu, tranh lụa...)</i></p> <p><i>và hiện đại ( Các trường phái tranh của các họa sĩ nổi tiếng trên thế giới, tranh trừu tượng...)</i></p> <p><i>* Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm STEAM</i></p> <p><i>- Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm.</i></p>	

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
	<b>-Dự án Bác Hồ: Trang trí khung ảnh Bác.</b>		
	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	2.6. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt</b>	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản

<b>Kết quả mong đợi</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>động nghệ thuật</b> (âm nhạc, tạo hình)			nhạc, bài hát yêu thích.
		3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

## **E. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

#### **1. Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

#### **2. Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

#### **3. Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

#### **4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

## **II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### ***1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

### ***2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

### ***3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:***

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

## **III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### ***1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm***

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xuyên vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

### ***2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)***

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

### ***3. Nhóm phương pháp dùng lời nói***

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

#### **4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

#### **5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

### **IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Môi trường vật chất**

##### **a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

##### **b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:**

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

## **2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

## **G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ[81]**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

### **I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

#### **1. Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

#### **2. Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

#### **3. Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

### **II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

#### **1. Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

#### **2. Nội dung đánh giá**

***Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.***

### ***3. Phương pháp đánh giá***

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

### ***4. Thời điểm và căn cứ đánh giá***

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ dựa trên chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

## **\* CHƯƠNG TRÌNH LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH CHO TRẺ MẪU GIÁO**

### **1. Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo theo Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nhà trường phối hợp với Trung tâm ngoại ngữ THIÊN ĐƯỜNG KIDS để tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh do nhu cầu của phụ huynh.

- Thời gian: 2 buổi/1 tuần, mỗi buổi 25 đến 35 phút vào các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6.

- Tài liệu, học liệu để tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh của trung tâm ngoại ngữ Thiên Đường Kids đã được các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

#### **1.1. Mục tiêu**

##### ***1.1.1. Mục tiêu tổng quát***

Chương trình được xây dựng nhằm hướng tới hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh theo nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt hơn cho việc học tiếng Anh ở bậc tiểu học.

##### ***1.1.2. Mục tiêu cụ thể***

Hoàn thành Chương trình, trẻ có thể:

- + Nghe hiểu được một số từ, cụm từ và câu quen thuộc;
- + Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu ngắn, đơn giản, quen thuộc;
- + Nghe hiểu và có phản hồi phi ngôn ngữ hoặc trả lời ngắn gọn trong các tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi;

- + Nghe hiểu và có phản hồi phi ngôn ngữ hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi;
- + Nghe hiểu được nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.
- + Nhắc lại được, nói được một cách tương đối rõ ràng, dễ nghe một số từ, cụm từ đơn giản;
- + Nhắc lại được, đọc theo được một số bài văn, bài thơ; hát theo một số bài hát đơn giản;
- + Trả lời được câu hỏi về một số tình tiết của truyện theo tranh;
- + Nhắc lại được, nói được một số từ thông dụng từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;
- + Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi;
- + Tô màu được một số biểu tượng, kí hiệu, chữ cái theo hướng dẫn bằng tiếng Anh;
- + Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh;
- + Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.

## 2. Khung chương trình cụ thể cho các độ tuổi MG như sau:

### a. Trẻ 3 – 4 tuổi

Tuần	Hoạt động	Topic	Mục tiêu	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Tài liệu, học liệu	Các nội dung lồng ghép, tích hợp
1-2	1-6	Characters	Chào hỏi	Nghe - Nói	Từ vựng: Hi, Hello, name, bye. Ngữ pháp/cấu trúc: Hi, my name's..., What's your name? I'm...	Trang 3-9 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động dán tranh ảnh.
3-5	7-15	Feelings	Cảm xúc	Nghe - Nói	Từ vựng: sad, happy, quack. Ngữ pháp/cấu trúc: I'm... (sad/happy).	Trang 10-19 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động làm sản

							phẩm, nổi và tô màu.
6-10	16-30	My body	Các bộ phận trên cơ thể	Nghe - Nói	Từ vựng: head, shoulders, knees, toes. Ngữ pháp/cấu trúc: I touch my head. Touch your head! We're happy.	Trang 20-37 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động: nổi - dán - tô màu, làm sản phẩm và kể chuyện.
11-12	31-36	Colours	Màu sắc	Nghe - Nói	Từ vựng: house, blue, yellow, red. Ngữ pháp/cấu trúc: This is..., It's..., I love my house. Repeated: I'm happy	Trang 38-45 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động tô màu
13-15	37-45	Toys	Đồ chơi	Nghe - Nói	Từ vựng: teddy bear, car, ball. Repeated: house, blue, yellow, red. Ngữ pháp/cấu trúc: Look!, Let's play!. Repeated: This is..., It's..., I love it, We're happy.	Trang 46-55 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động: giới thiệu, dán – tô màu, làm sản phẩm.
16-17	46-51	Trees	Cây cối	Nghe - Nói	Từ vựng: tree, leaf, flower, bird.	Trang 56-64 (sách 1A)	Làm quen với hoạt động

					Repeated: blue, yellow, red. Ngữ pháp/cấu trúc: The bird is blue, The flower is red and yellow. Repeated: It's..., I love...		động: xé - dán.
18-22	52-66	Family	Gia đình	Nghe - Nói	Từ vựng: vegetable, big, Daddy, Mummy, brother, sister. Repeated: happy. Ngữ pháp/cấu trúc: Help! Help! Repeated: I love you, We're happy.	Trang 4 – 21 (sách 1B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, dán - tô màu.
23-24	67-72	Fruits	Trái cây	Nghe - Nói	Từ vựng: apple, orange, banana Repeated: red, yellow. Ngữ pháp/cấu trúc: what's it/this? It's a/an...	Trang 22 – 29 (sách 1B)	Làm quen với hoạt động: vẽ theo đường nét đứt – tô màu.
25-27	73-81	Counting from 1 to 3	Số đếm từ 1 đến 3	Nghe - Nói	Từ vựng: 1(one), 2 (two), 3 (three) Repeated: apple, orange, banana.	Trang 30 – 39 (sách 1B)	Làm quen với hoạt động: vẽ theo đường nét đứt -

					Ngữ pháp/cấu trúc: start! Repeated: We're happy, what's it/this? It's...		nói - tô màu.
28-29	82-87	On the farm	Động vật trong nông trại	Nghe - Nói	Từ vựng: cow, duck, dog, cat. Repeated: 1(one), 2 (two), 3 (three) Ngữ pháp/cấu trúc: The cow (duck/dog/cat) says... Repeated: I love... (animals)	Trang 40 – 47 (sách 1B)	Làm quen với hoạt động: trò chơi “âm thanh động vật”, vẽ theo đường nét đứt - tô màu.
30-32	88-96	In the jungle	Động vật trong rừng	Nghe - Nói	Từ vựng: elephant, monkey, lion, baby lion. Repeated: 1(one), 2 (two), 3 (three) Ngữ pháp/cấu trúc: Let's go!, Let's swing!, Let's play!, It's nice. Repeated: Help! Help!, what's it/this? It's...	Trang 48 – 57 (sách 1B)	Làm quen với hoạt động: trò chơi “truy tìm kho báu”, nói - tô màu.
33 - 34	97-102	My house	Ngôi nhà	Nghe - Nói	Từ vựng: window, door, roof.	Trang 58 – 64	Làm quen với hoạt động: trò

					Repeated: blue, yellow, red, Daddy. Ngữ pháp/cấu trúc: what's it/this? It's...	(sách 1B)	chơi “nhảy lò cò”, vẽ theo đường nét đứt – tô màu.
35	103-105		Ôn tập và kiểm tra	Nghe - Nói			

### b. Trẻ 4 – 5 tuổi

Tuần	Hoạt động	Topic	Mục tiêu	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Tài liệu, học liệu	Các nội dung lồng ghép, tích hợp
1-2	1-6	Toys	Đồ chơi	Nghe - Nói	Từ vựng: robot, doll Repeated: car, teddy bear, ball, house, 1 (one), 2(two), red, yellow, blue. Ngữ pháp/cấu trúc: I like... Repeated: what's it/this? It's..., This is...	Trang 4-11 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động dán tranh ảnh.
3-5	7-15	Colours	Màu sắc	Nghe - Nói	Từ vựng: white, green, pink, daisy, puppy. Repeated: teddy bear, ball, elephant.	Trang 12-21 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động dán và tô màu.

					Ngữ pháp/cấu trúc: This is..., I love it, It's..., I like...		
6-10	16-30	My family	Gia đình	Nghe - Nói	Từ vựng: clown, grandpa, grandma, cake, birthday, box Repeated: Daddy, Mummy, brother, sister, flower Ngữ pháp/cấu trúc: The clown/car/doll/... is for me. Repeated: This is my...	Trang 22-39 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động: nói - dán - tô màu.
11-12	31-36	Weather	Thời tiết	Nghe - Nói	Từ vựng: sunny, windy, cloudy, rainy, dance, walk, run, sing. Repeated: play Ngữ pháp/cấu trúc: ... is at the sea. It's sunny/rainy/cloudy / windy. Repeated: Let's...	Trang 40-47 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động tô màu
13-15	37- 45	Means of Transport	Phương tiện vận chuyển	Nghe - Nói	Từ vựng: bicycle, bus, plane. Repeated: car, sunny, windy, cloudy, rainy. Ngữ pháp/cấu trúc: I ride a bicycle, I go by car/bus/plane. Repeated: What's it/this? – It's..., It's	Trang 48-57 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động: vẽ - vẽ theo đường nét đứt - tô màu, làm sản phẩm.

					sunny/rainy/cloudy / windy.		
16-17	46-51	Christmas	Lễ giáng sinh	Nghe - Nói	Từ vựng: sled, reindeer, Christmas, Santa Claus, Snowman, Christmas tree, candy cane. Ngữ pháp/cấu trúc: go by sled, It's Christmas Repeated: This is...	Trang 58-64 (sách 2A)	Làm quen với hoạt động: cắt dán, kể chuyện.
18- 19	52-57	Numbers	Con số	Nghe - Nói	Từ vựng: 4 (four), 5 (five), hat, lion head, drum Repeated: 1 (one), 2 (two), 3 (three), clown. Ngữ pháp/cấu trúc: How many...? Repeated: Let's play! you, We're happy.	Trang 4 – 11 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: tô màu.
20-24	58- 72	Furniture	Đồ nội thất	Nghe - Nói	Từ vựng: table, chair, bookcase, bed, guitar, stormy. Repeated:sad, happy, sunny, rainy, windy, cloudy. Ngữ pháp/cấu trúc: It's here, Play the guitar, Draw a picture. Repeated: This is..., It's..., I	Trang 12 – 29 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, kể chuyện, dán - vẽ - tô màu.

					love..., How many...?		
25-27	73-81	My clothes	Trang phục	Nghe - Nói	Từ vựng: dress, shoes, gift. Repeated: hat, red, pink, blue. Ngữ pháp/cấu trúc: Liz is here, Put it on, Put on your..., I have... Repeated: It's nice, I like...	Trang 30 – 39 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, dán - vẽ - tô màu.
28- 29	82-87	Food	Thức ăn	Nghe - Nói	Từ vựng: breakfast, lunch, dinner, egg, bread, pizza, picnic. Repeated: apple Ngữ pháp/cấu trúc: I have... for breakfast/lunch/ dinner, Let's eat!, Yummy! Repeated: It's nice, It's..., I like/don't like...	Trang 40 – 47 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: trò chơi “ bữa tối của gia đình”, dán.
30-32	88-96	Vegetables	Các loại rau	Nghe - Nói	Từ vựng: garden, tomato, potato, carrot. Repeated: sad, happy. Ngữ pháp/cấu trúc: This is..., It's..., I like/don't like...	Trang 48 – 57 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, tìm kiếm - nối - vẽ - tô màu.

33 - 34	97-102	School things	Đồ vật ở trường	Nghe - Nói	Từ vựng: schoolbag, pencil, crayon, book Repeated: sunny, hat Ngữ pháp/cấu trúc: I like..., Put on your..., What's it/this?, I have...	Trang 58 – 64 (sách 2B)	Làm quen với hoạt động: xé dán
35	103-105		Ôn tập và kiểm tra	Nghe - Nói			

### c. Trẻ 5 – 6 tuổi

Tuần	Hoạt động	Topic	Mục tiêu	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Tài liệu, học liệu	Các nội dung lồng ghép, tích hợp
1-5	1 -15	My school	Trường học	Nghe - Nói	Từ vựng: slide, swing, seesaw, merry-go-round, moon, lantern, moon cake, pomelo, lion dance. Repeated: monkey, red, yellow, dance, happy. Ngữ pháp/cấu trúc: swing up/down!; Eat a moon cake, please!	Trang 4-21 (sách 3A)	Làm quen với hoạt động: dán – vẽ theo đường nét đứt – vẽ - tô màu.

					Repeated: Let's play!, How many...?, What's it/this?, What colour?, I like/don't like...		
6 -7	16 -21	Farm animals	Động vật trong nông trại	Nghe - Nói	Từ vựng: numbers: 6-10 Repeated: cow, duck, cat, dog, bunny, numbers: 1-5 Ngữ pháp/cấu trúc: Listen, it says...; Let's count... Repeated: What's it/this?, It's...,	Trang 22-29 (sách 3A)	Làm quen với hoạt động: nói.
8-10	22-30	In the jungle	Động vật trong rừng	Nghe - Nói	Từ vựng: bear, tiger. Repeated: jungle, monkey, elephant. Ngữ pháp/cấu trúc: The elephant/ monkey/ bear/tiger is in the jungle. Repeated: I like..., Let's play!	Trang 30-39 (sách 3A)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, tô màu.
11-12	31-36	Shapes	Hình khối	Nghe - Nói	Từ vựng: circle, square, rectangle, triangle, rocket.	Trang 40-47 (sách 3A)	Làm quen với hoạt

					<p>Repeated: numbers: 1-10, blue, yellow, red, green. Ngữ pháp/cấu trúc: Colour the..., Here's your... Repeated: This is..., It's nice, We like it, How many...?</p>		động: nói
13-15	37- 45	Means of Transport	Phương tiện vận chuyển	Nghe - Nói	<p>Từ vựng: school bus, motorbike, train Repeated: bus, bicycle, numbers: 1-5. Ngữ pháp/cấu trúc: The school bus/train /motorbike is here. Repeated: Ride a bicycle, Let's go!</p>	Trang 48-57 (sách 3A)	Làm quen với hoạt động: tô màu, làm sản phẩm.
16-17	46-51	Flowers	Các loại hoa	Nghe - Nói	<p>Từ vựng: lotus, rose, sunflower. Repeated: pink, red, yellow, blue. Ngữ pháp/cấu trúc: I have a rose, It's beautiful!</p>	Trang 58-64 (sách 3A)	

					Repeated: The rose is red, I love...		
18-19	52-57	A castle	Tòa lâu đài	Nghe - Nói	Từ vựng: old, new, castle, wall. Repeated: door, roof, window, triangle, round, square, rectangle. Ngữ pháp/cấu trúc: What room? Repeated: How many...?, What colour?	Trang 4 – 11 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: xé dán
20-22	58- 66	Furniture	Đồ nội thất	Nghe - Nói	Từ vựng: sofa, picture. Repeated: table, chair, bookcase, bed Ngữ pháp/cấu trúc: Welcome to..., Put it to the right place. Repeated: How many...?	Trang 12 – 21 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, nội - tô màu.
23-24	64-72	Sea animals	Động vật dưới biển	Nghe - Nói	Từ vựng: dolphin, octopus, shark, leg, swim. Repeated: run, numbers: 1-10. Ngữ pháp/cấu trúc: It's an octopus, It can swim.	Trang 22 – 29 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: hát, khoanh tròn.

					Repeated: It's..., It has..., I love...		
25-27	73-78	Insects	Côn trùng	Nghe - Nói	Từ vựng: honey, butterfly, fly, ant, crawl, brown. Repeated: leaves, fruit, vegetables, run Ngữ pháp/cấu trúc: Bee like..., Bees make honey, Bees can fly, Ants eat..., Ants can crawl! Repeated: It's..., Let's run!	Trang 30 – 39 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: kể chuyện, làm sản phẩm, vẽ theo đường nét đứt – tô màu – tìm kiếm và khoanh tròn.
28-29	79-84	Food and Drinks	Thức ăn và đồ uống	Nghe - Nói	Từ vựng: juice, water, butter, rice, meat, pea, burger, soup, cucumber. Repeated: egg, bread, pizza, orange, apple, carrot, breakfast, lunch, dinner. Ngữ pháp/cấu trúc: Go on a picnic. Repeated: I have..., I like ...	Trang 40 – 46 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: xé dán

30-34	85-102	Vegetables	Các loại rau	Nghe - Nói	Từ vựng: bell pepper, grape, milk, cream, fruit salad Repeated: pea, cucumber, tomato, potato, banana, apple, orange, yummy. Ngữ pháp/cấu trúc: Cut the apples/ bananas/oranges/ grapes. Add some milk/ cream. Repeated: I like/ don't like...	Trang 47 – 64 (sách 3B)	Làm quen với hoạt động: làm sản phẩm, nói – vẽ theo đường nét đứt – tô màu.
35	103-105		Ôn tập và kiểm tra	Nghe - Nói			

## **Phần bốn**

### **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1.[82] Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện; phát triển chương trình giáo dục mầm non.

Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo, các cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình

giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở Chương trình Giáo dục mầm non, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

3. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

4. [83] Theo dõi, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ và xem xét các mục tiêu của chương trình, kết quả mong đợi để có kế hoạch tổ chức hướng dẫn hoạt động phù hợp với sự phát triển của cá nhân trẻ và của nhóm/lớp.

5. [84] Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

6. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất./.

**Nơi nhận:**

- PGD&ĐT.
- Hiệu trưởng;
- Tổ chuyên môn;
- GV các lớp T/h
- Lưu VP.

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH  
HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thu Hà**